

Số: 90 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009,

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Theo đề nghị của UBND huyện Yên Thế tại Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2010, Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2010; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 42/BC - SXD ngày 22 tháng 4 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, với các nội dung chính như sau (kèm theo bản vẽ quy hoạch và thuyết minh):

1. Phạm vi và ranh giới đô thị:

a) Vị trí, ranh giới nghiên cứu: Diện tích nghiên cứu, mở rộng bao gồm: Thị trấn Bồ Hạ và một phần của xã Bồ Hạ được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc và phía Đông giới hạn bởi suối Cầu Gụ;

+ Phía Nam và Đông Nam giới hạn bởi sông Thương;

+ Phía Tây và Tây Nam giới hạn bởi suối (Ông Bang) chảy ra sông Sỏi;

b) Diện tích nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: 314,1ha.

2. Tính chất, chức năng của đô thị: Là trung tâm hành chính, kinh tế tổng hợp của tiểu vùng phía Nam huyện Yên Thế và khu vực phụ cận.

3. Quy mô dân số:

+ Tổng dân số thị trấn đến năm 2015: 9.000 người;

+ Tổng dân số thị trấn đến năm 2025: 12.000 người.

4. Cơ cấu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

+Thị trấn phát triển chủ yếu vào vùng đất phía Tây, Tây Nam và phía Đông.

+Về phía Đông: Xây dựng tuyến đường, hai bên bố trí công trình công cộng, dịch vụ thương mại, công trình thể thao văn hoá, nhà ở chia lô tạo thành một tuyến phố đẹp.

+Về phía Tây: Trung tâm hành chính di chuyển về phía Tây, vị trí trên trục đường tỉnh 292. Tiếp giáp với đường tỉnh 292 bố trí công trình công cộng tạo điểm nhấn cho tuyến phố. Vuông góc với đường tỉnh 292 mở mới các tuyến đường theo dạng ô bàn cờ để tạo quỹ đất xây dựng các khu chức năng cho đô thị.

+Mở tuyến đường vành đai vận chuyển nguyên liệu cho các nhà máy để không đi xuyên qua đô thị.

5. Cơ cấu sử dụng đất:

	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng diện tích đất khu vực thiết kế	314,1	
A	Diện tích đất xây dựng đô thị	295,7	100
1	Đất đơn vị ở	138,4	46,8
2	Đất công trình công cộng	6,1	2,1
3	Đất cây xanh thể dục thể thao	22,0	7,4
4	Đất trường học	6,6	2,2
5	Đất cơ quan	1,1	0,4
6	Đất giao thông	59,0	20
7	Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	44,2	15
8	Đất cây xanh cách ly + cây xanh cảnh quan	12,5	4,2
9	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (nghĩa trang, bãi rác...)	5,8	2,0
B	Đất khác	18,4	
1	Đất nông nghiệp	10,2	
2	Đất khác	8,2	

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông: Quy hoạch các tuyến giao thông chính như sau:

+Đường chính đô thị, mặt cắt ngang (1-1): 28.0m (trong đó: lòng đường là 2x7.5m, vỉa hè 2x5.0m + phân cách là 3m);

+Đường liên khu vực, mặt cắt ngang (2-2): 25.0m (trong đó: lòng đường là 12m, vỉa hè là 2x6.5m);

+Đường khu vực, mặt cắt ngang (3-3): 19.0m (trong đó: lòng đường là 10,5m, vỉa hè là 10m);

+Đường phân khu vực, mặt cắt ngang (4-4): 17.5m (trong đó lòng đường là 7.5m, vỉa hè là 2x5.0m).

+Tuyến đường tránh, mặt cắt ngang (5-5): 19.0m (trong đó lòng đường là 2x7.5m, vỉa hè là 2x1.5m, phân cách là 1m).

b)San nền:

+Giữ nguyên cao độ nền đường hiện trạng và cao độ nền xây dựng của các công trình thôn xóm hiện có;

+Khu vực xây mới có cao độ san nền trung bình là + 9.0m.

c)Thoát nước: Hệ thống thoát nước được thiết kế thoát nước nửa riêng.

+Hệ thống thoát nước mưa: Toàn khu vực lập quy hoạch được chia thành 02 lưu vực thoát nước chính (lưu vực I và lưu vực II).

- Lưu vực I: Gồm 136ha, thuộc phía Đông của tỉnh lộ 242 bao gồm 5 tiểu lưu vực:

* Tiểu lưu vực 1: Thuộc phía Đông Bắc thị trấn, thuộc xóm Đồng Lều, một phần lưu vực thoát theo hướng Tây Bắc vào suối Ông Bang và phần còn lại thoát vào suối Cầu Gụ.

*Tiểu lưu vực 2: Thoát vào suối Ông Bang.

*Tiểu lưu vực 3: Thoát vào hồ dự kiến xây dựng (chân đồi trường tiểu học Bồ Hạ).

*Tiểu lưu vực 4: Phía Đông Nam khu vực, thoát vào hồ dự kiến xây dựng phía Nam, gần sông Thương

*Tiểu lưu vực 5: Phía Bắc thôn Dinh Tiến, dự kiến thoát vào sông Thương qua cống dưới đê.

-Lưu vực II: Gồm 204 ha, thuộc phía Tây tỉnh lộ 242 bao gồm 6 tiểu lưu vực:

*Tiểu lưu vực 6: Phía Tây Bắc thị trấn, thoát trực tiếp vào suối Sỏi.

*Tiểu lưu vực 7: Thoát vào hồ xóm Lều- hồ cảnh quan dự kiến.

*Tiểu lưu vực 8: Thuộc thôn Đồng Quán thoát vào hồ dự kiến xây dựng.

*Tiểu lưu vực 9: Thuộc đồi Uỷ Ban, thoát vào ao cá Bác Hồ.

*Tiểu lưu vực 10: Thuộc khu công nghiệp, thoát vào cụm hồ xây mới và ao cá Bác Hồ, sau đó thoát ra sông Thương.

* Tiểu lưu vực 11: Phía Tây Nam thị trấn, thoát vào mương thủy lợi của cánh đồng phía Nam sau đó thoát ra sông Thương.

+Hệ thống thoát nước thải: Giải pháp thoát nước thải cho thị trấn Bồ Hạ là sử dụng hệ thống cống nửa riêng. Cụm công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước thải sau khi được xử lý bằng bể tự hoại trong các công trình xả ra hệ thống cống chung. Sơ đồ hệ thống thoát nước như sau: bể tự hoại → cống thoát nước → cống bao thu nước thải → trạm bơm → trạm xử lý nước thải → xả ra môi trường. Thị trấn Bồ Hạ chia làm hai lưu vực thoát nước chính:

*Lưu vực 1: Bao gồm phía Đông đường tỉnh lộ 242 đến ngã tư thị trấn và khu vực phía Đông Nam giáp sông Thương. Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom bằng hệ thống cống D300 thu nước thải về trạm bơm.

* Lưu vực 2: Bao gồm phía Tây đường tỉnh lộ 242 và khu vực phía Tây Nam thị trấn. Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom bằng hệ thống cống bao D300 thu nước thải về trạm các trạm bơm.

d) Cấp nước: Nguồn nước được lấy từ nguồn nước mặt cấp cho khu vực thiết kế, đường ống cấp nước chính cho khu vực thiết kế có đường kính từ D100 đến D300 được thiết kế chôn dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống từ 0,5 đến 1,2m.

e) Cấp điện:

+ Nguồn điện: Nguồn cấp cho thị trấn Bồ Hạ do trạm biến áp 110KV Cầu Gò cách thị trấn 10Km, công suất 2x25 MVA.

+ Lưới điện: Lưới điện cấp cho thị trấn là mạng 22KV cấp điện từ trạm 110KV Cầu Gò.

* Cải tạo tuyến 10KV cũ lên 22KV cấp điện sinh hoạt và khu công nghiệp phía Đông Bắc thị trấn. Xây dựng thêm một tuyến 22KV cấp điện cho khu công nghiệp phía Nam thị trấn.

* Giữ nguyên lưới điện 35KV chạy từ Bắc Giang về Cầu Gò, đường điện đi qua khu công nghiệp phía Nam cần điều chỉnh ra phía ngoài khu công nghiệp.

* Nâng cấp đường dây 10KV thành 22KV, các trạm 10/0,4KV hiện trạng nâng cấp thành 22/0,4KV.

* Các tuyến điện 22KV, 35KV đi nổi dùng cáp có bọc cách điện để đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện.

f) Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật: Đường cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, thoát nước mưa đều được bố trí trên phần đất vỉa hè đường quy hoạch.

7. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Công trình: Khu dịch vụ, nhà trẻ, nhà văn hoá, y tế...

- Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng tuyến đường vành đai để vận chuyển nguyên vật liệu tránh đi vào khu trung tâm đô thị.

Điều 2. UBND huyện Yên Thế có trách nhiệm công bố, quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Yên Thế và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: **N**

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đ/c thành viên UBND tỉnh;
- TNMT, NN, KT, KTN, VX, TH, LĐVP;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh